

**C.TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 01 Đường Đinh lễ – P. 12 – Q. 4 – Tp HCM.

Tel: 08. 3512 85 68

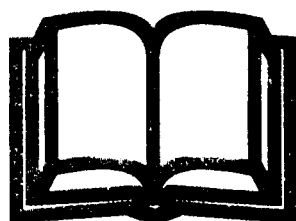
Fax: 08. 39.3512 86 88

[haiminhgroup@vnn.vn](mailto:haiminhgroup@vnn.vn)

[www.haiminh.com.vn](http://www.haiminh.com.vn)

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**HỢP NHẤT**  
**QUÍ 1 NĂM 2016**  
**( MÃ CK : HMH )**



Tp. HCM ngày 27 tháng 04 năm 2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

MẪU B01a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/3/2016	Số dư 01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>93,904,197,756</b>	<b>89,624,778,397</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>45,150,215,165</b>	<b>52,599,242,118</b>
1. Tiền	111		12,350,215,165	14,516,205,451
2. Các khoản tương đương tiền	112		32,800,000,000	38,083,036,667
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1,200,000,000</b>	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	1,200,000,000	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>41,388,732,810</b>	<b>31,810,807,855</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	28,252,220,203	22,901,838,159
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		240,300,058	899,400,000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	12,937,378,048	8,009,569,696
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-41,165,499	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>553,401,048</b>	<b>409,147,190</b>
Hàng tồn kho	141		553,401,048	409,147,190
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5,611,848,733</b>	<b>4,805,581,234</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6.a	2,236,161,545	1,566,585,917
2. Thuê GTGT được khấu trừ	152		2,506,260,415	2,365,537,735
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		869,426,773	873,457,582
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>182,899,532,500</b>	<b>179,625,123,512</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>997,088,000</b>	<b>997,088,000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	997,088,000	997,088,000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>105,957,147,017</b>	<b>106,824,915,628</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	104,068,986,245	105,105,954,977
Nguyên giá	222		162,510,616,296	160,708,277,567
Giá trị hao mòn lũy kế	223		-58,441,630,051	-55,602,322,590
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1,888,160,772	1,718,960,651
Nguyên giá	228		1,893,987,237	1,721,291,237
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-5,826,465	-2,330,586
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>25,005,851,899</b>	<b>22,823,947,544</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	25,005,851,899	22,823,947,544
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>44,673,832,334</b>	<b>43,109,776,064</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10	38,873,832,334	36,309,776,064
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10	5,800,000,000	5,800,000,000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b		1,000,000,000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6,265,613,250</b>	<b>5,869,396,276</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	5,577,912,681	5,078,595,528
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		130,878,907	48,371,866
3. Lợi thế thương mại	268		556,821,662	742,428,882
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>276,803,730,256</b>	<b>269,249,901,909</b>

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/3/2016	Số dư 01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>15,586,446,492</b>	<b>13,319,321,096</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15,284,925,439</b>	<b>13,015,300,043</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	10,932,510,029	6,455,117,554
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	951,741,193	3,257,456,828
3. Phải trả người lao động	314		898,915,473	1,571,894,499
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		573,314,596	181,973,943
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	1,768,469,444	1,085,005,415
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	159,974,704	463,851,804
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>301,521,053</b>	<b>304,021,053</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	198,068,000	198,068,000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		103,453,053	105,953,053
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>261,217,283,764</b>	<b>255,930,580,813</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>261,217,283,764</b>	<b>255,930,580,813</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131,998,470,000	131,998,470,000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>131,998,470,000</i>	<i>131,998,470,000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5,850,984,271	5,860,984,271
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6,746,260,664	6,746,260,664
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		115,053,780,746	109,777,973,675
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>109,777,973,675</i>	<i>109,777,973,675</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>5,275,807,071</i>	
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1,567,788,083	1,546,892,203
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>276,803,730,256</b>	<b>269,249,901,909</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016



**NGUYỄN THẾ HÙNG**  
Tổng Giám đốc

**NGUYỄN THÀNH VĂN**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THÀNH VĂN**  
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

(Có so sánh với số liệu Quý I năm 2015)

MÀU B02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2016	Quý I năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		25,856,817,266	32,390,241,362
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	25,856,817,266	32,390,241,362
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	20,029,790,750	26,147,826,111
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5,827,026,516	6,242,415,251
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	281,555,298	83,462,438
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13,355,671	25,789,496
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23			
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		2,670,460,719	3,670,242,117
9. Chi phí bán hàng	25			
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2,466,842,347	2,213,802,065
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,298,844,515	7,756,528,245
12. Thu nhập khác	31		420,000,000	
13. Chi phí khác	32		141,262,073	
14. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.6	278,737,927	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6,577,582,442	7,756,528,245
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	906,982,083	984,000,720
17. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-84,234,608	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5,754,834,967	6,772,527,525
<i>Trong đó:</i>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		5,721,645,441	6,735,146,672
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		33,189,526	37,380,853
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	433	675
20. Lợi nhuận giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	433	675



NGUYỄN THẾ HÙNG  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016

NGUYỄN THÀNH VĂN  
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN  
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý I năm 2016

**MẪU B 03a-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2016	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6,577,582,442	38,252,171,697
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3,314,572,668	12,663,191,323
- Các khoản dự phòng	03		41,165,499	(375,744,460)
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(124,058,148)	(2,199,245)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05			(19,594,631,731)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9,809,262,461	30,942,787,584
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09		(9,652,682,146)	5,290,247,756
- Tăng hàng tồn kho	10		(144,253,858)	728,240,869
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3,919,797,590	(1,188,835,370)
- Tăng chi phí trả trước	12		(1,168,892,781)	1,469,113,043
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2,289,674,585)	(4,269,841,814)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(653,877,100)	(3,143,023,851)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(180,320,419)</b>	<b>29,828,688,217</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5,084,381,809)	(35,237,390,483)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		420,000,000	2,703,636,364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(19,150,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			22,700,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3,764,056,270)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1,000,000,000	1,800,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		159,731,545	15,820,757,112
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(7,268,706,534)</b>	<b>(11,362,997,007)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			23,555,018,547
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(14,956,456,910)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40			<b>8,598,561,637</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>(7,449,026,953)</b>	<b>27,064,252,847</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		<b>52,599,242,118</b>	<b>25,532,790,026</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			2,199,245
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70		<b>45,150,215,165</b>	<b>52,599,242,118</b>



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016

**NGUYỄN THÊ HÙNG**  
Tổng Giám đốc

**NGUYỄN THÀNH VĂN**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THÀNH VĂN**  
Người lập biểu

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Quý I năm 2016**

**MẪU B 09a-DN**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2016 của Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là “Công ty”).

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại - Dịch vụ
- Ngành, nghề kinh doanh** :

Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### **5. Cấu trúc của Công ty**

Công ty có các công ty con tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 như sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Dịch vụ Tiếp vận	96,08%	96,08%
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Dịch vụ Tiếp vận	100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp)	100,00%
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	100,00% (trong đó: 99,00% trực tiếp và 1,00% gián tiếp)	100,00%

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2016

## Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Hải Phòng				

Công ty có công ty liên kết tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	60A Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ Tiếp vận	25,00%	25,00%
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Minh	Số 1, Đường Đinh Hải Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ Tiếp vận	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	21/4 Liên Phường, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ Tiếp vận	40,00%	40,00%

## 6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 là 179 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 174 người).

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất 3 tháng đầu năm 2016 thuộc kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, đây là kỳ kế toán thứ 15 của Công ty.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### 2. Áp dụng hướng dẫn Chế độ kế toán mới và thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Các Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Thông tư 200 thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần III - Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12

# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

## **Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng các Thông tư nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2016.

### **3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **4. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức Chứng từ ghi sổ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

### **1. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho Quý I năm 2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### **3. Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua



# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2016

## Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### 4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 5. Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải thu về cho vay ngắn hạn và phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán ngắn hạn, chi phí phải trả ngắn hạn, phải trả ngắn hạn khác, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn và dự phòng phải trả ngắn hạn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

## **Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

### **6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

### **7. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Phải thu bảo hiểm; phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày lập Báo cáo. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **8. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo do giá trị hàng tồn kho dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời,...) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho của Công ty. Tăng và giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 – 45
Máy móc thiết bị	3 - 10

# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2016

## Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	3 - 12
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản khác	5 - 10

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

### 10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài Công ty không trích khấu hao.

#### *Phần mềm kế toán*

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo.

#### *Chi phí mua sắm tài sản cố định*

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

#### *Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản*

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng và chi phí lãi vay .... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại thời điểm lập Báo cáo.

#### *Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

### 12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện chi phí Công cụ dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

### **Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Các chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm.

### **13. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần**

#### ***Cơ cấu vốn chủ sở hữu***

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### ***Phân phối lợi nhuận thuần***

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
  - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
  - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.
- Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **15. Doanh thu**

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

### **16. Ghi nhận chi phí**

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

### **17. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

### **Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **18. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành thêm trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

#### **19. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số dư 31/3/2016</u>	<u>Số dư 01/01/2016</u>
Tiền mặt	2.490.562.560	1.855.176.357
Tiền gửi ngân hàng	9.859.652.605	12.661.029.094
Các khoản tương đương tiền	<u>32.800.000.000</u>	<u>38.083.036.667</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>45.150.215.165</u></b>	<b><u>52.599.242.118</u></b>

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn****a) Ngắn hạn**

Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	1.200.000.000	-
-----------------------------	---------------	---

**b) Dài hạn**

Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	-	<u>1.000.000.000</u>
----------------------------	---	----------------------

<b>Cộng</b>	<b><u>1.200.000.000</u></b>	<b><u>1.000.000.000</u></b>
-------------	-----------------------------	-----------------------------

**3. Phải thu của khách hàng**

Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	3.065.763.433	2.761.104.961
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	1.285.341.688	1.206.996.872
Công ty cổ phần Hàng hải Hưng Phú	2.567.486.859	2.567.486.859
Công ty Ô Tô Toyota Việt Nam	1.289.742.568	1.098.841.806
Công ty TNHH Tiếp Vận Việt Tín	380.887.000	206.877.000
Các khách hàng khác	<u>19.662.998.655</u>	<u>15.060.530.661</u>
<b>Cộng (*)</b>	<b><u>28.252.220.203</u></b>	<b><u>22.901.838.159</u></b>
(*) Phải thu bên liên quan	<u>6.918.591.980</u>	<u>6.535.588.692</u>

**4. Phải thu khác**

	<u>Số dư 31/3/2016</u>		<u>Số dư 01/01/2016</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b><u>12.937.378.048</u></b>	<b><u>41.165.499</u></b>	<b><u>8.009.569.696</u></b>	
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	6.352.378.277		6.352.378.277	
Tạm ứng nhân viên	658.297.957	-	460.310.659	-
Phải thu cổ tức	5.279.938.800		-	
Công ty TNHH MTV Hàng Hải Hà Nội Phía Nam	164.662.000	41.165.499	164.662.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	482.101.014		1.032.218.760	
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>	<b><u>997.088.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>997.088.000</u></b>	<b><u>-</u></b>
Đặt cọc tiền thuê kho bãi	100.000.000	-	100.000.000	-
Ký quỹ làm đại lý tiêu thụ	500.000.000		500.000.000	
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	397.088.000	-	397.088.000	-
<b>Cộng (*)</b>	<b><u>13.934.466.048</u></b>	<b><u>41.165.499</u></b>	<b><u>9.006.657.696</u></b>	
(*) Phải thu khác bên liên quan				

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	<u>6.352.378.277</u>	<u>6.352.378.277</u>
<b>5. Hàng tồn kho</b>		
	<b>Số dư 31/3/2016</b>	<b>Số dư 01/01/2016</b>
Nguyên liệu, vật liệu	97.174.637	-
Công cụ, dụng cụ	17.912.000	-
Hàng hóa	438.314.411	409.147.190
<b>Cộng</b>	<b>553.401.048</b>	<b>409.147.190</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần của hàng tồn kho</b>	<b>553.401.048</b>	<b>409.147.190</b>
<b>6. Chi phí trả trước</b>		
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>2.236.161.545</b>	<b>1.566.585.917</b>
Chi phí mua bảo hiểm	363.788.486	452.383.188
Công cụ, dụng cụ	1.872.373.059	1.114.202.729
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>5.577.912.681</b>	<b>5.078.595.528</b>
Công cụ, dụng cụ	5.369.596.288	4.906.541.680
Chi phí sửa chữa	208.316.393	172.053.848
<b>Cộng</b>	<b>7.814.074.226</b>	<b>6.645.181.445</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**  
Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Tình hình biến động tài sản cố định hữu hình trong kỳ như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư 01/01/2016	76.808.507.516	411.805.821	75.638.490.600	3.755.345.357	4.094.128.273	160.708.277.567
Tăng trong kỳ	-	-	2.367.781.454	-	-	2.367.781.454
Giảm trong kỳ	-	-	565.442.725	-	-	565.442.725
<b>Số dư 31/03/2016</b>	<b>76.808.507.516</b>	<b>411.805.821</b>	<b>77.440.829.329</b>	<b>3.755.345.357</b>	<b>4.094.128.273</b>	<b>162.510.616.296</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư 01/01/2016	19.707.606.716	65.311.726	33.222.057.571	1.148.008.295	1.459.338.282	55.602.322.590
Tăng trong kỳ	895.705.608	49.367.074	2.108.026.883	81.537.129	176.440.095	3.311.076.789
Giảm trong kỳ	-	-	471.769.328	-	-	471.769.328
<b>Số dư 31/3/2016</b>	<b>20.603.312.324</b>	<b>114.678.800</b>	<b>34.858.315.126</b>	<b>1.229.545.424</b>	<b>1.635.778.377</b>	<b>58.441.630.051</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư 01/01/2016	57.100.900.800	346.494.095	42.416.433.029	2.607.337.062	2.634.789.991	105.105.954.977
<b>Số dư 31/03/2016</b>	<b>56.205.195.192</b>	<b>297.127.021</b>	<b>42.582.514.203</b>	<b>2.525.799.933</b>	<b>2.458.349.896</b>	<b>104.068.986.245</b>
<b>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:</b>						
Tại 01/01/2016	-	-	12.971.178.821	493.860.149	-	13.465.038.970
<b>Tại 31/03/2016</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.971.178.821</b>	<b>493.860.149</b>	<b>-</b>	<b>13.465.038.970</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****8. Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng

	<b>Quyền sử dụng đất (*)</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư 01/01/2016	1.721.291.237	1.721.291.237
Tăng trong kỳ	172.696.000	172.696.000
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số dư 31/03/2016</b>	<b>1.893.987.237</b>	<b>1.893.987.237</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư 01/01/2016	2.330.586	2.330.586
Tăng trong kỳ	3.495.879	3.495.879
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số dư 31/03/2016</b>	<b>5.826.465</b>	<b>5.826.465</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư 01/01/2016	1.718.960.651	1.718.960.651
<b>Số dư 31/03/2016</b>	<b>1.888.160.772</b>	<b>1.888.160.772</b>

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Số dư 31/3/2016</b>	<b>Số dư 01/01/2016</b>
Dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sau Cảng	25.005.851.899	22.461.947.544
Các công trình khác	-	362.000.000
<b>Cộng</b>	<b>25.005.851.899</b>	<b>22.823.947.544</b>

**10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Chỉ tiêu	<b>Số dư 31/3/2016</b>			<b>Số dư 01/01/2016</b>		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>						
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	29.958.684.051		29.958.684.051	27.507.087.089	-	27.507.087.089
Công ty TNHH Tiếp vận Đôngbu Hải Minh	8.945.025.473		8.945.025.473	8.701.221.199	-	8.701.221.199
Công ty cổ phần Hàng hải Hưng Phú	(29.877.190)		(29.877.190)	101.467.776	-	101.467.776
<b>Cộng</b>	<b>38.873.832.334</b>		<b>38.873.832.334</b>	<b>36.309.776.064</b>	<b>-</b>	<b>36.309.776.064</b>
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	5.800.000.000	-	5.800.000.000	5.800.000.000	-	5.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.800.000.000</b>	<b>5.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.800.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Thông tin chi tiết về đầu tư vào công ty liên kết:*

<i>Giá trị đầu tư</i>	Công ty TNHH			Cộng
	Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Công ty cổ phần Hàng hải Hưng Phú	
Tại ngày 01/01/2016	18.175.783.651	7.069.435.800	800.000.000	26.045.219.451
Tại ngày 31/03/2016	18.175.783.651	7.069.435.800	800.000.000	26.045.219.451
<i>Phần lãi (lỗ) phát sinh sau ngày đầu tư</i>				
Tại ngày 01/01/2016	9.331.303.438	1.631.785.399	(698.532.224)	10.264.556.613
Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết	2.451.596.962	243.804.274	(131.344.966)	2.564.056.270
Cổ tức nhận được trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/3/2016	<b>11.782.900.400</b>	<b>1.875.589.673</b>	<b>(829.877.190)</b>	<b>12.828.612.883</b>
<i>Giá trị còn lại</i>				
Tại ngày 01/01/2016	27.507.087.089	8.701.221.199	101.467.776	36.309.776.064
Tại ngày 31/3/2016	<b>29.958.684.051</b>	<b>8.945.025.473</b>	<b>(29.877.190)</b>	<b>38.873.832.334</b>

**11. Phải trả người bán**

	Số dư 31/3/2016		Số dư 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	17.240.000	17.240.000	17.240.000	17.240.000
Công Ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	3.199.613.533	3.199.613.533	1.977.928.060	1.977.928.060
SAMUDERA SHIPPING LINE LTD.	2.818.771.024	2.818.771.024	-	-
Công ty Hoa Tiêu Tân Cảng	753.883.404	753.883.404	536.618.487	536.618.487
Khách hàng khác	4.143.002.068	4.143.002.068	3.923.331.007	3.923.331.007
<b>Cộng</b>	<b>10.932.510.029</b>	<b>10.932.510.029</b>	<b>6.455.117.554</b>	<b>6.455.117.554</b>
Phải trả người bán bên liên quan	17.240.000		17.240.000	

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư 31/3/2016
<b>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước</b>	<b>3.920.205</b>	<b>948.258.515</b>	<b>1.408.047.104</b>	<b>(455.868.384)</b>
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải thu	(797.927.696)	171.446.101	-	(626.481.595)
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải nộp	801.847.901	776.812.414	1.408.047.104	170.613.211
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.715.309.076</b>	<b>906.982.083</b>	<b>2.289.674.585</b>	<b>332.616.574</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải thu	1.142.034.057	282.356.453	1.482.047.557	(57.657.047)
Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải nộp	573.275.019	624.625.630	807.627.028	390.273.621
<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>146.309.130</b>	<b>342.419.917</b>	<b>316.162.364</b>	<b>172.566.683</b>
Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải thu	(75.529.886)	-	22.275.245	(97.805.131)
Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải nộp	221.839.016	342.419.917	293.887.119	270.371.814
<b>Các loại thuế khác</b>	<b>518.460.835</b>	<b>323.422.017</b>	<b>808.883.305</b>	<b>32.999.547</b>
Thuế môn bài	-	7.000.000	14.000.000	(7.000.000)
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	518.460.835	316.422.017	794.883.305	39.999.547
<b>Thuế phải nộp</b>	<b>316.041.835</b>	<b>316.422.017</b>	<b>511.981.305</b>	<b>120.482.547</b>
<b>Thuế phải thu</b>	<b>202.419.000</b>	<b>-</b>	<b>282.902.000</b>	<b>(80.483.000)</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.383.999.246</b>	<b>2.521.082.532</b>	<b>4.822.767.358</b>	<b>82.314.420</b>

**Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất:**

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	873.457.582	869.426.773
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>3.257.456.828</u>	<u>951.741.193</u>

- Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng :

+ Dịch vụ trong nước : 10%

+ Dịch vụ cước vận tải quốc tế : 0%

- Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.7

- Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo các qui định hiện hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****13. Phải trả khác**

<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>1.768.469.444</b>	<b>-</b>	<b>1.085.005.415</b>
Kinh phí công đoàn	131.883.730		90.118.730
BHXH	325.433.784		-
BHYT	52.216.725		-
BHTN	21.253.600		-
Cổ tức đợt 1 năm 2015 phải trả	-		2.463.920
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	40.000.000		20.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.197.681.605		972.422.765
<b>b) Phải trả dài hạn khác</b>	<b>198.068.000</b>	<b>-</b>	<b>198.068.000</b>
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh – Ký quỹ thuê văn phòng	140.000.000		140.000.000
Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng và Môi trường Ngọc Anh - Nhận ký quỹ dài hạn	30.000.000		30.000.000
Tài xế - Nhận ký quỹ dài hạn	28.068.000		28.068.000
<b>Cộng(*)</b>	<b>1.966.537.444</b>	<b>-</b>	<b>1.283.073.415</b>

(\*) Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	<u>140.000.000</u>	<u>140.000.000</u>
---------------------------------------	--------------------	--------------------

**Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Trích lập các quỹ từ lợi nhuận (*)</b>	<b>Sử dụng các quỹ trong kỳ/ năm</b>	<b>Số cuối kỳ/ năm</b>
Quỹ khen thưởng	138.225.132	-	(171.269.802)	(33.044.670)
Quỹ phúc lợi	-	350.000.000	(418.155.912)	(68.155.912)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	325.626.672	-	(64.451.386)	261.175.286
<b>Cộng</b>	<b>463.851.804</b>	<b>350.000.000</b>	<b>(653.877.100)</b>	<b>159.974.704</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**14. Vốn chủ sở hữu**

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ và năm trước

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư 01/01/2016	100.000.000.000	2.959.478.445	(694.034.275)	7.479.128.591	107.220.552.832	1.147.640.025	218.112.765.618
Tăng vốn	31.998.470.000	2.779.741.555	-	(733.424.655)	(11.305.566.900)	276.729.009	23.015.949.009
Lợi nhuận năm 2015	-	-	-	-	33.155.115.404	123.079.897	33.278.195.301
Bán cổ phiếu quỹ	-	(44.273.318)	673.712.109	-	-	-	629.438.791
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(4.056.477.822)	-	(4.056.477.822)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(15.235.649.839)	-	(15.235.649.839)
Điều chỉnh khác	-	166.037.589	20.322.166	556.728	-	(556.728)	186.359.755
<b>Số 31/12/2015</b>	<b>131.998.470.000</b>	<b>5.860.984.271</b>	<b>-</b>	<b>6.746.260.664</b>	<b>109.777.973.675</b>	<b>1.546.892.203</b>	<b>255.930.580.813</b>
Số dư 01/01/2016	131.998.470.000	5.860.984.271	-	6.746.260.664	109.777.973.675	1.546.892.203	255.930.580.813
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận 3 tháng đầu năm 2016	-	-	-	-	5.721.645.441	33.189.526	5.754.834.967
Trích quỹ các quỹ	-	-	-	-	(350.000.000)	(12.293.646)	(362.293.646)
Giảm khác	-	(10.000.000)	-	-	(95.838.370)	-	(105.838.370)
<b>Số dư 31/03/2016</b>	<b>131.998.470.000</b>	<b>5.850.984.271</b>	<b>-</b>	<b>6.746.260.664</b>	<b>115.053.780.746</b>	<b>1.567.788.083</b>	<b>261.217.283.764</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Cổ phiếu**

	<b>Tại 31/3/2016</b>	<b>Tại 01/01/2016</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Quý I năm 2016</b>	<b>Quý I năm 2015</b>
<b>a) Tổng doanh thu</b>		
Dịch vụ vận tải	6.734.312.481	17.282.105.658
Dịch vụ khai thác kho bãi	13.798.693.446	10.271.506.477
Dịch vụ đại lý container	2.648.245.062	3.301.618.663
Cho thuê văn phòng	430.183.068	-
Doanh thu bán hàng hóa	2.245.383.209	1.535.010.564
<b>Cộng</b>	<b>25.856.817.266</b>	<b>32.390.241.362</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn dịch vụ vận tải	5.674.738.439	15.335.548.125
Giá vốn khai thác kho bãi	10.147.580.698	7.952.204.561
Giá vốn đại lý container	1.579.901.250	1.275.747.492
Giá vốn Cho thuê văn phòng	355.587.908	-
Giá vốn hàng hóa	2.271.982.455	1.584.325.933
<b>Cộng</b>	<b>20.029.790.750</b>	<b>26.147.826.111</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi ngân hàng	159.731.545	58.678.360
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	121.823.753	24.784.078
<b>Cộng</b>	<b>281.555.298</b>	<b>83.462.438</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	Quý I năm 2016	Quý I năm 2015
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.355.671	25.789.496
<b>Cộng</b>	<b>13.355.671</b>	<b>25.789.496</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí nhân viên quản lý	1.248.606.366	1.019.823.894
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	61.179.163	67.310.610
Chi phí dụng cụ quản lý	92.446.430	76.583.521
Chi phí khấu hao	103.434.618	54.033.787
Thuế phí và lệ phí	14.295.570	19.075.463
Chi phí dự phòng	41.165.499	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	557.687.367	673.913.173
Chi phí bằng tiền khác	348.027.334	303.061.617
<b>Cộng</b>	<b>2.466.842.347</b>	<b>2.213.802.065</b>

**6. Lợi nhuận khác**

Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	420.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>420.000.000</b>	-

Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	141.262.073	-
Chi phí khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>141.262.073</b>	-

<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác</b>	<b>278.737.927</b>	-
--	--------------------	---

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>6.577.582.442</b>	<b>7.756.528.245</b>
<i>Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:</i>	<i>5.331.425</i>	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	5.331.425	-
Trừ các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(2.048.003.451)	(3.283.797.700)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>4.534.910.416</b>	<b>4.472.730.545</b>
Thuế suất áp dụng thông thường	20%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>906.982.083</b>	<b>984.000.720</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 20% trên thu nhập chịu thuế



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****8. Lãi trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

*Lãi cơ bản trên cổ phiếu*

	Quý I năm 2016	Quý I năm 2015
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>	<b>5.721.645.441</b>	<b>6.735.146.672</b>
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>5.721.645.441</b>	<b>6.735.146.672</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.199.847	9.974.195
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>433</b>	<b>675</b>

**9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Quý I năm 2016	Quý I năm 2015
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>5.721.645.441</b>	<b>6.735.146.672</b>
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
<b>Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>	<b>5.721.645.441</b>	<b>6.735.146.672</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.199.847	9.974.195
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>	<b>13.199.847</b>	<b>9.974.195</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>433</b>	<b>675</b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	4.865.019.911	6.007.964.106
Chi phí nhân viên	6.446.422.180	5.328.884.001
Chi phí khấu hao	3.334.772.668	2.822.410.464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.595.159.489	12.896.996.031
Chi phí bằng tiền khác	1.255.258.849	1.305.373.574
<b>Cộng</b>	<b>22.496.633.097</b>	<b>28.361.628.176</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

##### *Giao dịch với bên liên quan*

##### **Bên liên quan**

Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam)  
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh  
Công ty cổ phần Hàng Hải Hưng Phú

##### **Mối quan hệ**

Công ty liên kết  
Công ty liên kết  
Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty có phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Quý I năm 2015</u>
Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam)		
Cung cấp dịch vụ	1.486.911.420	765.302.439
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
Cung cấp dịch vụ	574.049.298	554.883.851
Công ty cổ phần Hàng Hải Hưng Phú		
Cung cấp dịch vụ	-	791.090.910

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Số dư 31/3/2016</u>	<u>Số dư 01/01/2016</u>
Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam)		
Phải thu	2.692.999.328	2.411.895.646
Phải thu khác	6.352.378.277	6.352.378.277
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
Phải thu	1.285.341.688	1.206.996.872
Công ty cổ phần Hàng Hải Hưng Phú		
Phải thu	2.031.443.100	2.031.443.100

##### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Quý I năm 2015</u>
Lương, thưởng và phụ cấp	396.380.000	370.200.000
<b>Cộng</b>	<b>396.380.000</b>	<b>370.200.000</b>

#### 2. Giải trình chênh lệch so với cùng kỳ quý 1 năm 2015.

-Lượng hàng hóa thị trường giảm, Ngành Vận tải nội địa đang ngày càng cạnh tranh gay gắt do đó Doanh thu mảng Vận tải nội địa sụt giảm mạnh so với cùng kỳ, Lợi nhuận các bên liên Doanh, liên kết cũng giảm so với cùng kỳ, mặt khác các chi phí như BHXH, YT, TN, liên quan đến chế độ người lao động tăng do áp dụng chế độ đóng BHXH mới có hiệu lực 01/01/2016, do đó ảnh hưởng đến lợi nhuận quý 1/2016 giảm so với quý 1 năm 2015.

#### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cần phải được điều chỉnh và thuyết minh theo quy định của Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2016

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---



Hải Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016

**NGUYỄN THẾ HƯNG**  
Tổng Giám đốc

**NGUYỄN THÀNH VĂN**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THÀNH VĂN**  
Người lập biểu

